

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Hoàng Hữu T: Luật sư Phạm Văn T, Dương Trung K, Văn phòng luật sư H; địa chỉ: tòa nhà U, đường L, quận A, thành phố Hà Nội (có mặt).

2. Người bị kiện:

- UBND thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân N, Phó Chủ tịch (xin xét xử vắng mặt).

- Chủ tịch UBND thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân H, Phó Chủ tịch (xin xét xử vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: UBND phường T, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Nghĩa T, Chủ tịch;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Việt L, Công chức Địa chính – Xây dựng – Nông nghiệp và Môi trường UBND phường T (vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Ông Hoàng Hữu T (là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai bà Đinh Thị C và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày như sau:

Gia đình bà Đinh Thị C có 01 thửa đất ven sông diện tích 5800m² tại thôn X1, xã T, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang (nay là tổ X, phường T, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang), có nguồn gốc do gia đình bà khai hoang phục hóa từ năm 1978 và canh tác liên tục cho đến khi Nhà nước thu hồi đất làm kè bảo vệ bờ sông Lô nhưng không được bồi thường. Khi thu hồi đất, UBND xã T cho rằng diện tích đất gia đình bà đang sử dụng là đất nông nghiệp do hợp tác xã giao cho các hộ từ năm 1986 và gia đình bà sử dụng khoảng năm 2006 - 2007 là không đúng, vì các hộ có đất liền kề gia đình bà đều xác nhận từ ngày hợp tác xã giao đất cho đến nay, đất của các hộ vẫn đủ diện tích và xác nhận gia đình bà canh tác liên tục từ năm 1978 đến nay là đúng sự thật. Khi có Thủy điện Na Hang, chỉ có tác động đến cây trồng, còn hiện trạng đất đai không hề thay đổi; thực tế thì các hộ liền kề diện tích đất của gia đình bà như Nguyễn Đình T, Phùng Xuân H, Lê Hồng K... đều được bồi thường nhưng chỉ riêng gia đình bà C chỉ được hỗ trợ.

Theo bà C thì trong trường hợp đất không có giấy tờ sử dụng đất nhưng đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận khi Nhà nước thu hồi đất sẽ được bồi thường bằng tiền theo giá đất của loại đất đã được công nhận quy định tại khoản 12 Điều 13 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/04/2014 của Chính phủ về bồi thường hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. Đối với đất nông nghiệp đã sử dụng trước ngày 01/7/2004 mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất

nông nghiệp, nhưng không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của luật này thì được bồi thường với diện tích đất thực tế đang sử dụng, diện tích đất được bồi thường không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp quy định tại Điều 129 của Luật Đất đai năm 2013. Việc UBND phường T cho rằng đất gia đình bà là đất bãi bồi ven sông do UBND xã quản lý nên không được bồi thường là không có căn cứ.

Vì vậy, bà Đinh Thị C có đơn khởi kiện yêu cầu: Hủy quyết định số 757/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của UBND thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất giải phóng mặt bằng của công trình Kè bảo vệ sông Lô đoạn CD (từ cọc CD16 đến cọc CDHL) thuộc công trình Kè bảo vệ bờ sông Lô đoạn AB (từ cọc H1 + 43,52 đến H32A); đoạn CD phía bờ phải và đoạn bãi Tình Húc (giai đoạn 3, đợt 2); Hủy quyết định số 3857/QĐ-UBND ngày 13/12/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang về việc giải quyết khiếu nại của ông Hoàng Hữu T, trú tại thôn X1 (nay là thôn X), xã T, thành phố Q (lần đầu) và buộc UBND thành phố Q phải bồi thường cho gia đình bà 5.800m² đất theo quy định của pháp luật.

Đại diện người bị kiện trình bày như sau:

Việc ban hành Quyết định số 757/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất giải phóng mặt bằng công trình Kè bảo vệ bờ sông Lô đoạn CD (từ cọc CD16 đến cọc CDHL) thuộc công trình Kè bảo vệ bờ sông Lô đoạn AB (từ cọc H1+43,52 đến H32A); đoạn CD phía bờ phải và đoạn bãi Tình Húc (giai đoạn 3) (đợt 2) và Quyết định số 315/QĐ-UBND ngày 13/10/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất giải phóng mặt bằng công trình Kè bảo vệ bờ sông Lô đoạn CD (từ cọc CD16 đến cọc CDHL) thuộc công trình Kè bảo vệ bờ sông Lô đoạn Ab (từ cọc H1- 43,52 đến H32A); đoạn CD phía bờ phải và đoạn bãi Tình Húc (giai đoạn 3) (đợt 2 - bổ sung):

** Về thẩm quyền thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:* Việc ban hành Quyết định số 757/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 và Quyết định số 315/QĐ-UBND ngày 13/10/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố đã đảm bảo về thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 66 Luật Đất đai năm 2013.

** Về trình tự thực hiện:*

- Về trình tự thực hiện ban hành Quyết định số 757/QĐ-UBND:

Căn cứ Văn bản số 2626/UBND-TNMT ngày 23/9/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc giải quyết vướng mắc trong giải phóng mặt bằng một số công trình, dự án trên địa bàn thành phố Q; Văn bản số 1172/TNMT-CCĐĐ

ngày 28/11/2014 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc báo cáo, đề xuất giải quyết đề nghị của Ủy ban nhân dân thành phố tại Báo cáo số 302/BC-TTPTQĐ ngày 27/11/2014; Văn bản số 3492/UBND-TNMT ngày 15/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc thực hiện giải phóng mặt bằng một số công trình, dự án trên địa bàn thành phố Q; Quyết định số 05/2015/QĐ-UBND ngày 16/5/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang, quy định về trình tự, thủ tục thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Thông báo số 152/TB-UBND ngày 13/10/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc thông báo thu hồi đất công trình: Kè bảo vệ bờ sông Lô đoạn CD (từ cọc CD16 đến cọc CDHL) thuộc công trình Kè bảo vệ bờ sông Lô đoạn AB (từ cọc H11+43,52 đến H32A); đoạn CD phía bờ phải và đoạn bãi Tình Húc (giai đoạn 3); Quyết định số 1412/QĐ-UBND ngày 10/6/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về việc kiện toàn Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư giải phóng mặt bằng xây dựng công trình: Kè bảo vệ bờ sông Lô đoạn CD (từ cọc CD16 đến cọc CDHL) thuộc công trình Kè bảo vệ bờ sông Lô đoạn AB (từ cọc H11+43,52 đến H32A); đoạn CD phía bờ phải và đoạn bãi Tình Húc (giai đoạn 3); Biên bản họp xét bồi thường, hỗ trợ và tái định cư giải phóng mặt bằng ngày 18/11/2015 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình: Kè bảo vệ bờ sông Lô đoạn CD (từ cọc CD16 đến cọc CDHL) thuộc công trình Kè bảo vệ bờ sông Lô đoạn AB (từ cọc H11+43,52 đến H32A); đoạn CD phía bờ phải và đoạn bãi Tình Húc (giai đoạn 3) tại xã T, thành phố Q (đợt 2); Kết quả thẩm định Phương án bồi thường, hỗ trợ số 06/PA-TTPTQĐ ngày 21/12/2015 của Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh về việc đề nghị thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình: Kè bảo vệ bờ sông Lô đoạn CD (từ cọc CD16 đến cọc CDHL) thuộc công trình Kè bảo vệ bờ sông Lô đoạn AB (từ cọc H11+43,52 đến H32A); đoạn CD phía bờ phải và đoạn bãi Tình Húc (giai đoạn 3) tại xã T, thành phố Q (đợt 2). Ủy ban nhân dân thành phố Q đã ban hành Quyết định số 757/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất giải phóng mặt bằng xây dựng công trình: Kè bảo vệ bờ sông Lô đoạn CD (từ cọc CD16 đến cọc CDHL) thuộc công trình Kè bảo vệ bờ sông Lô đoạn AB (từ cọc H11+43,52 đến H32A); đoạn CD phía bờ phải và đoạn bãi Tình Húc (giai đoạn 3) (đợt 2).

Như vậy, Ủy ban nhân dân thành phố Q đã thực hiện đúng thẩm quyền và trình tự khi ban hành Quyết định số 757/QĐ-UBND ngày 31/12/2015.

- Về trình tự thực hiện ban hành Quyết định số 315/QĐ-UBND:

Căn cứ Văn bản số 2626/UBND-TNMT ngày 23/9/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc giải quyết vướng mắc trong giải phóng mặt bằng

một số công trình, dự án trên địa bàn thành phố Q; Thông báo số 152/TB-UBND ngày 13/10/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc thông báo thu hồi đất công trình: Kè bảo vệ bờ sông Lô đoạn CD (từ cọc CD16 đến cọc CDHL) thuộc công trình Kè bảo vệ bờ sông Lô đoạn AB (từ cọc H11+43,52 đến H32A); đoạn CD phía bờ phải và đoạn bãi Tình Húc (giai đoạn 3); Văn bản số 1172/TNMT-CCĐĐ ngày 28/11/2014 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc báo cáo, đề xuất giải quyết đề nghị của Ủy ban nhân dân thành phố tại Báo cáo số 302/BC-TTPTQĐ ngày 27/11/2014; Văn bản số 3492/UBND-TNMT ngày 15/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc thực hiện giải phóng mặt bằng một số công trình, dự án trên địa bàn thành phố Q; Quyết định số 05/2015/QĐ-UBND ngày 16/5/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang Ban hành Quy định về trình tự, thủ tục thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Báo cáo số 18/BC-TTPTQĐ ngày 16/5/2016 về báo cáo kết quả thực hiện công tác giải phóng mặt bằng công trình: Kè bảo vệ bờ sông Lô đoạn CD (từ cọc CD16 đến cọc CDHL) thuộc công trình Kè bảo vệ bờ sông Lô đoạn AB (từ cọc H1+43,52 đến H32A); đoạn CD phía bờ phải và đoạn bãi Tình Húc (giai đoạn 3), tại xã T, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang (đợt 2); Văn bản số 1093/TNMT-CCĐĐ ngày 01/9/2016 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tuyên Quang về việc giải quyết vướng mắc bồi thường GPMB sông Lô (đoạn qua thành phố Q); Quyết định số 1460/QĐ-UBND ngày 08/9/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Q về việc kiện toàn Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư giải phóng mặt bằng xây dựng công trình: Kè bảo vệ bờ sông Lô đoạn CD (từ cọc CD16 đến cọc CDHL) thuộc công trình Kè bảo vệ bờ sông Lô đoạn AB (từ cọc H1+43,52 đến H32A); đoạn CD phía bờ phải và đoạn bãi Tình Húc (giai đoạn 3) tại phường H và xã T, thành phố Q; Biên bản họp xét bồi thường, hỗ trợ và tái định cư ngày 29/9/2016 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình: Kè bảo vệ bờ sông Lô đoạn CD (từ cọc CD16 đến cọc CDHL) thuộc công trình Kè bảo vệ bờ sông Lô đoạn AB (từ cọc H11+43,52 đến H32A); đoạn CD phía bờ phải và đoạn bãi Tình Húc (giai đoạn 3) tại xã T, thành phố Q (hộ bà Đinh Thị C – X1 (bổ sung)); Kết quả thẩm định Phương án bồi thường, hỗ trợ số 35/PA-TTPTQĐ ngày 29/9/2016 của Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh về việc đề nghị thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình: Kè bảo vệ bờ sông Lô đoạn CD (từ cọc CD16 đến cọc CDHL) thuộc công trình Kè bảo vệ bờ sông Lô đoạn AB (từ cọc H11+43,52 đến H32A); đoạn CD phía bờ phải và đoạn bãi Tình Húc (giai đoạn 3) tại xã T, thành phố Q (bổ sung). Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành Quyết định số 315/QĐ-UBND ngày 13/10/2016 về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất giải phóng mặt bằng xây dựng công trình: Kè bảo vệ bờ sông Lô đoạn CD (từ cọc CD16 đến cọc CDHL) thuộc công

trình Kè bảo vệ bờ sông Lô đoạn AB (từ cọc H11+43,52 đến H32A); đoạn CD phía bờ phải và đoạn bãi Tình Húc (giai đoạn 3) (đợt 2 - bổ sung).

Như vậy, Ủy ban nhân dân thành phố Q đã thực hiện đúng thẩm quyền và trình tự khi ban hành Quyết định số 315/QĐ-UBND ngày 13/10/2016.

** Về việc ban hành Quyết định số 3857/QĐ-UBND ngày 13/12/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố:*

Căn cứ Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11 tháng 11 năm 2011; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại; Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính. Sau khi làm việc với ông Hoàng Hữu T (*là người nhận ủy quyền của bà Đinh Thị C, trú tại thôn X1, xã T, thành phố Q*) về nội dung khiếu nại, ngày 11/4/2019, Ủy ban nhân dân thành phố đã có Thông báo số 39/TB-UBND về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu đối với nội dung khiếu nại của ông Hoàng Hữu Thủy, trú tại thôn X1 (nay là Thôn X), phường T, thành phố Q.

Ngày 11/4/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành Quyết định số 1332/QĐ-UBND về việc xác minh nội dung khiếu nại của ông Hoàng Hữu T, trú tại thôn X1 (nay là Thôn X), phường T, thành phố Q (*là người nhận ủy quyền của bà Đinh Thị C, trú tại thôn X1 (nay là Thôn 1), phường T, thành phố Q*) và thành lập tổ xác minh thực hiện xác minh nội dung khiếu nại theo quy định.

Từ ngày 11/4/2019 đến ngày 13/12/2019, Tổ xác minh được thành lập theo Quyết định số 1332/QĐ-UBND ngày 11/4/2019 (*Tổ xác minh số 1332*), đã tiến hành làm việc với các cơ quan, tổ chức đơn vị, cá nhân có liên quan để xác minh nội dung khiếu nại của Hoàng Hữu T, trú tại thôn X1 (nay là Thôn X), phường T, thành phố Q (*là người nhận ủy quyền của bà Đinh Thị C, trú tại thôn X1 (nay là Thôn X), phường T, thành phố Q*).

Căn cứ vào thông tin, tài liệu, bằng chứng được thu thập trong quá trình xác minh nội dung khiếu nại, Tổ xác minh số 1332 đã có Báo cáo số 01/BC-TXM ngày 09/12/2019, báo cáo kết quả xác minh và đề xuất giải quyết đối với nội dung khiếu nại của ông Hoàng Hữu T.

Ngày 10/12/2019, Ủy ban nhân dân thành phố đã tổ chức đối thoại với ông Hoàng Hữu T, tại buổi đối thoại, ông Hoàng Hữu T không nhất trí với kết quả xác minh của Tổ xác minh số 1332. Tổ xác minh số 1332 đã kiểm tra thực tế và giữ

nguyên kết quả xác minh tại Báo cáo số 01/BC-TXM ngày 09/12/2019.

Ngày 13/12/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành Quyết định số 3857/QĐ-UBND về việc việc giải quyết khiếu nại của ông Hoàng Hữu T, trú tại thôn X1(nay là Thôn X), phường T, thành phố Q (lần đầu), trong đó có nội dung:

“Giữ nguyên Quyết định số 315/QĐ-UBND ngày 13/10/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Q về việc phê duyệt Phương án trợ về đất cho bà Đinh Thị C khi nhà nước thu hồi đất giải phóng mặt bằng công trình kè bảo vệ bờ sông Lô đoạn CD (từ cọc CD16 đến cọc CDHL) thuộc công trình Kè bảo vệ bờ sông Lô đoạn AB (từ cọc H1+43,52 đến H32A); đoạn CD phía bờ phải và đoạn bãi Tình Húc (giai đoạn 3)(đợt 2- bổ sung)”.

Như vậy, việc ban hành Quyết định số 3857/QĐ-UBND ngày 13/12/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố đã đảm bảo trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại theo quy định. Do đó, đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân phường T trình bày:

Về nguồn gốc sử dụng đất của bà Đinh Thị C đối với thửa đất thuộc phạm vi thu hồi xây dựng công trình Kè bảo vệ bờ sông Lô đoạn CD qua địa phận xã T (nay là phường T):

Căn cứ kết quả họp xác định về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất ngày 30/10/2015; Biên bản họp lấy ý kiến nhân dân về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất ngày 06/12/2016 tại thôn C (nay là Tổ X3), thôn K (nay là Tổ X4), Ủy ban nhân dân xã T xác định nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất của bà Đinh Thị C đối với thửa đất thuộc phạm vi thu hồi xây dựng công trình Kè bảo vệ bờ sông Lô đoạn CD qua địa phận xã T (nay là phường T) như sau:

- Diện tích bà Đinh Thị C khai phá, sử dụng từ năm 1978 tại khu vực thôn C, xã T trong quá trình sử dụng đã bị xói lở. Hiện tại, diện tích đất bà C khai phá từ năm 1978 đã lở hoàn toàn xuống dòng sông Lô.

- Diện tích bà C hiện đang sử dụng nằm trong phạm vi xây dựng công trình Kè bảo vệ sông Lô đoạn CD qua địa phận xã T là đất nông nghiệp do Hợp tác xã Nông nghiệp xã T đã giao khoán cho các hộ gia đình sử dụng từ năm 1986, trong quá trình sử dụng do mưa lũ hàng năm phần đất giáp sông thường xuyên bị xói lở. Đến khoảng năm 2006 - 2007, sau khi Nhà nước hoàn thành xây dựng đập thủy điện mực nước ổn định các hộ gia đình được giao khoán nhưng không sử dụng, gia đình bà C tận dụng rệ đất lở để sử dụng.

- Bản đồ đo đạc giải thửa số 299 (tờ can số 1, xã T, can vẽ tháng 11 năm 1995) thể hiện: Phần diện tích giáp thửa số 23 ghi lở ra sông, diện tích 3.289m²; phần diện tích giáp với thửa 57 ghi lở ra sông, diện tích 6.823m². Lồng ghép bản đồ đo đạc giải thửa số 299, Bản đồ đo đạc địa chính xã T đo đạc năm 2011 và Bản đồ thu hồi đất xây dựng công trình: Kè bảo vệ bờ sông Lô đoạn qua thành phố Qg xác định: Có 1.175m² đất hộ bà C sử dụng nằm ngoài ranh giới thửa đất đo vẽ sạt lở của bản đồ 299; phần diện tích còn lại nằm trong ranh giới thửa đất đo vẽ sạt lở của bản đồ 299.

- Biên bản họp xác định về nguồn gốc đất và thời điểm sử dụng đất ngày 30/10/2015.

- Biên bản họp lấy ý kiến nhân dân về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất ngày 06/12/2016.

Trên cơ sở nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất xác định diện tích 5.800m² đất hộ bà Đinh Thị C sử dụng tại thời điểm thu hồi là đất bãi bồi ven sông. Theo quy định tại Điều 141 Luật Đất đai năm 2013 thì phần diện tích đất này do Ủy ban nhân dân xã T quản lý. Hộ gia đình bà C có tận dụng trồng cây ngắn ngày. Việc sử dụng đất của hộ bà Đinh Thị C không được đăng ký với Nhà nước, không nộp thuế và thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định. UBND xã T chưa giao hoặc cho hộ bà Đinh Thị C thuê đối với diện tích đất nêu trên.

Đề nghị Tòa án căn cứ hồ sơ thu thập và các quy định của pháp luật giải quyết vụ án theo quy định và không có yêu cầu độc lập.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2021/HC-ST ngày 07/6/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 29, 30, 32; điểm a khoản 2 Điều 193; điểm a khoản 3 Điều 116; các Điều 191, 194, 206, 344, 345 và Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 75; Điều 100 Luật Đất đai năm 2013; Luật khiếu nại năm 2011; Nghị định số 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị C về việc:

- Hủy quyết định số 757/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của UBND thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất giải phóng mặt bằng của công trình Kè bảo vệ sông Lô đoạn CD (từ cọc CD16 đến cọc CDHL) thuộc công trình Kè bảo vệ bờ sông Lô đoạn AB (từ cọc H1 + 43,52 đến H32A); đoạn CD phía bờ phải và đoạn bãi Tình Húc (giai đoạn 3) (đợt 2);

- Hủy Quyết định số 315/QĐ-UBND ngày 13/10/2016 của UBND thành phố Q về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất giải phóng mặt bằng công trình Kè bảo vệ sông Lô đoạn CD (từ cọc CD 16 đến cọc CDHL) thuộc công trình Kè bảo vệ bờ sông Lô đoạn AB (từ cọc H1+43,52 đến H32A); đoạn CD phía bờ phải và đoạn bãi Tình Húc (giai đoạn 3) (đợt 2 - bổ sung);

- Hủy quyết định số 3857/QĐ-UBND ngày 13/12/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang về việc giải quyết khiếu nại của ông Hoàng Hữu T, trú tại thôn X1 (nay là thôn X), xã T, thành phố Q (lần đầu).

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 18/6/2021, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là ông Hoàng Hữu T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo; đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận nội dung kháng cáo và yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị C. Đồng thời cung cấp một số giấy xác nhận của một số cá nhân xác nhận về nguồn gốc và thời gian sử dụng đất của gia đình bà C.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện cho rằng diện tích đất của gia đình bà Đinh Thị C đang sử dụng và bị thu hồi là đủ điều kiện để được bồi thường theo quy định của pháp luật; do đó đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo và yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sau khi đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các bên tại phiên tòa phúc thẩm đã khẳng định Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận nội dung kháng cáo của ông Hoàng Hữu T, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở ý kiến trình bày của các bên đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Ngày 18/6/2021, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là ông Hoàng Hữu T có đơn kháng cáo Bản án hành chính sơ thẩm số

05/2021/HC-ST ngày 07/6/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang, là trong thời hạn nên được xem xét theo quy định.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện vắng mặt nhưng người đại diện có mặt; người bị kiện, người có quyền nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã được triệu tập hợp lệ và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 225 Luật tổ tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về đối tượng và thời hiệu khởi kiện: Ngày 07/10/2020, Tòa án nhận được đơn khởi kiện của bà Đinh Thị C yêu cầu Hủy Quyết định số 3857/QĐ-UBND ngày 13/12/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang về việc giải quyết khiếu nại của ông Hoàng Hữu T, trú tại thôn X1 (nay là Thôn X), xã T, thành phố Q (lần đầu), là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, thuộc đối tượng khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 3 và trong thời hiệu theo quy định tại khoản 2 Điều 116 Luật tổ tụng hành chính.

Quyết định số 757/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của UBND thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất giải phóng mặt bằng của công trình Kè bảo vệ sông Lô đoạn CD (từ cọc CD16 đến cọc CDHL) thuộc công trình Kè bảo vệ bờ sông Lô đoạn AB (từ cọc H1 + 43,52 đến H32A); đoạn CD phía bờ phải và đoạn bãi Tình Húc (giai đoạn 3) (đợt 2) và Quyết định số 315/QĐ-UBND ngày 13/10/2016 của UBND thành phố Q về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất giải phóng mặt bằng công trình Kè bảo vệ sông Lô đoạn CD (từ cọc CD 16 đến cọc CDHL) thuộc công trình Kè bảo vệ bờ sông Lô đoạn AB (từ cọc H1+ 43,52 đến H32A); đoạn CD phía bờ phải và đoạn bãi Tình Húc (giai đoạn 3) (đợt 2 - bổ sung) là các quyết định hành chính liên quan theo quy định tại khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính nên cần được xem xét trong cùng vụ án.

[3] Xét kháng cáo của ông Hoàng Hữu T:

[3.1] Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành các quyết định:

[3.1.1] Đối với Quyết định số 3857/QĐ-UBND ngày 13/12/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang về việc giải quyết khiếu nại của ông Hoàng Hữu T (lần đầu):

Sau khi nhận được đơn khiếu nại, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q đã tiến hành thụ lý; giao các cơ quan có nhiệm vụ, quyền hạn xác minh, báo cáo kết quả và tổ chức đối thoại theo quy định. Ngày 13/12/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q đã ban hành Quyết định số 3857/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Hoàng Hữu T, trú tại thôn X1 (nay là Thôn X), phường T, thành phố Q (lần đầu) là đúng thẩm quyền và trình tự, thủ tục quy định tại Luật tổ

chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Khiếu nại năm 2011, Nghị định 75/2012/NĐ-CP ngày 3/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật khiếu nại; Thông tư số 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại.

[3.1.2] Đối với Quyết định số 757/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 và Quyết định số 315/QĐ-UBND ngày 13/10/2016 của UBND thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt và phê duyệt bổ sung phương án bồi thường hỗ trợ và tái định cư:

Căn cứ Thông báo số 152/TB-UBND ngày 13/10/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Q về việc báo thu hồi đất công trình: Kè bảo vệ bờ sông Lô đoạn CD (từ cọc CD16 đến cọc CDHL) thuộc công trình Kè bảo vệ bờ sông Lô đoạn AB (từ cọc H11+43,52 đến H32A); đoạn CD phía bờ phải và đoạn bãi Tình Húc (giai đoạn 3). Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q đã ban hành Quyết định số 1412/QĐ-UBND ngày 10/6/2015 về việc kiện toàn Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư giải phóng mặt bằng xây dựng công trình để tổ chức thực hiện các bước xét bồi thường, hỗ trợ và tái định cư giải phóng mặt bằng theo quy định. Quá trình tổ chức thực hiện, đã bảo đảm đúng theo quy định.

Trên cơ sở kết quả thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và căn cứ Quyết định số 05/2015/QĐ-UBND ngày 16/5/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang Ban hành Quy định về trình tự, thủ tục thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Ngày 31/12/2015, Ủy ban nhân dân thành phố Q ban hành Quyết định số 757/QĐ-UBND về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất giải phóng mặt bằng xây dựng công trình: Kè bảo vệ bờ sông Lô đoạn CD (từ cọc CD16 đến cọc CDHL) thuộc công trình Kè bảo vệ bờ sông Lô đoạn AB (từ cọc H11+43,52 đến H32A); đoạn CD phía bờ phải và đoạn bãi Tình Húc (giai đoạn 3) (đợt 2); Ngày 13/10/2016, ban hành Quyết định số 315/QĐ-UBND về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất giải phóng mặt bằng xây dựng công trình (giai đoạn 3) (đợt 2 - bổ sung) là đúng thẩm quyền và trình tự, thủ tục theo quy định.

[3.2] Về nội dung:

[3.2.1] Về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất bị thu hồi:

Theo tờ khai sử dụng đất và tài sản trên đất thu hồi ngày 25/11/2014; Bản tự kê khai nguồn gốc sử dụng đất ngày 25/11/2014 thì tại thời điểm thu hồi đất hộ bà Đinh Thị C có sử dụng đất nằm trong phạm vi thu hồi xây dựng công trình Kè bảo vệ sông Lô. Quá trình giải quyết vụ án, bà C có cung cấp được một số xác nhận của

một số cá nhân về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất của gia đình bà, nhưng đây không phải là một trong các loại giấy tờ sử dụng đất theo quy định tại Điều 100 Luật Đất đai năm 2013.

Đối chiếu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thấy: Tại Biên bản họp xác định về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất ngày 30/10/2015; Biên bản họp lấy ý kiến nhân dân về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất ngày 06/12/2016 tại thôn C (nay là Tổ X3), thôn K (nay là Tổ X4), Ủy ban nhân dân xã T xác định nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất của bà Đinh Thị C đối với thửa đất thuộc phạm vi thu hồi xây dựng công trình Kè bảo vệ bờ sông Lô (nay là phường T) thể hiện: “Diện tích bà Đinh Thị C khai phá, sử dụng từ năm 1978 tại khu vực thôn C, xã T trong quá trình sử dụng đã bị xói lở. Hiện tại, diện tích đất bà C khai phá từ năm 1978 đã lở hoàn toàn xuống dòng sông Lô”; “Diện tích bà C hiện đang sử dụng nằm trong phạm vi xây dựng công trình Kè bảo vệ sông Lô đoạn CD qua địa phận xã T là đất nông nghiệp do Hợp tác xã Nông nghiệp xã T đã giao khoán cho các hộ gia đình sử dụng từ năm 1986, trong quá trình sử dụng do mưa lũ hàng năm phần đất giáp sông thường xuyên bị xói lở. Đến khoảng năm 2006 - 2007, sau khi Nhà nước hoàn thành xây dựng đập thủy điện mực nước ổn định các hộ gia đình được giao khoán nhưng không sử dụng, gia đình bà C tận dụng rệ đất lở để sử dụng”.

Theo Biên bản xác minh tại UBND phường T thể hiện trong sổ mục kê, sổ địa chính và bản đồ giải thửa 299, thể hiện thửa 23, thửa 57 không có tên hộ gia đình bà Đinh Thị C, không có thông tin về thửa đất mà bà C đề nghị được bồi thường. Tại Bản đồ đo đạc giải thửa 299 (tờ can số 1, xã T, can vẽ tháng 11 năm 1995) thể hiện: Phần diện tích giáp thửa số 23 ghi lở ra sông, diện tích 3.289m²; phần diện tích giáp với thửa 57 ghi lở ra sông, diện tích 6.823m².

Lồng ghép bản đồ đo đạc giải thửa 299, Bản đồ đo đạc địa chính xã T đo đạc năm 2011; Bản đồ thu hồi đất xây dựng công trình: Kè bảo vệ bờ sông Lô đoạn qua thành phố Q và Biên bản làm việc ngày 14/5/2021 thể hiện: Có 1.175m² đất hộ bà C sử dụng nằm ngoài ranh giới thửa đất đo vẽ sát lở của bản đồ 299; phần diện tích còn lại nằm trong ranh giới thửa đất đo vẽ sát lở của bản đồ 299 và thể hiện ranh giới diện tích đất bà Đinh Thị C đề nghị bồi thường, được giới hạn bởi các điểm nối liền khép kín 1,2,3 ...33,34,35 diện tích 4.734 m²

Ngày 28/9/2016, chủ đầu tư xây dựng công trình, UBND xã T và hộ gia đình bà Đinh Thị C kiểm tra thực địa theo hiện trạng sử dụng của hộ bà C, kết quả đo đạc cụ thể xác định diện tích tại vị trí thu hồi là 5.800m² và toàn bộ diện tích này nằm ngoài thửa 23 và thửa 57. Việc xác định diện tích trên là căn cứ kết quả kiểm tra trên thực địa để lập hồ sơ trình Hội đồng bồi thường họp xét, kết luận, không phải là căn cứ từ bản đồ 299.

Như vậy, theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai quy định về căn cứ xác định việc sử dụng đất ổn định thì bà Đinh Thị C không có một trong các loại giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều này. Việc thu thập ý kiến của những người đã từng cư trú cùng thời điểm bắt đầu sử dụng đất theo quy định tại khoản 4 Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai quy định cũng không có cơ sở để khẳng định về nguồn gốc, vị trí, diện tích đất như bà C trình bày. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định: diện tích 5.800m² đất hộ bà C sử dụng tại thời điểm thu hồi là đất bãi bồi ven sông do Ủy ban nhân dân xã T quản lý theo quy định tại Điều 141 Luật Đất đai năm 2013 là có căn cứ.

Ngoài ra, quá trình sử dụng đất, hộ bà Đinh Thị C không kê khai, đăng ký, không nộp thuế và thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định; chưa được cơ quan có thẩm quyền giao hoặc cho thuê đối với diện tích đất nêu trên. Do đó, không có căn cứ để xác định việc sử dụng đất nêu trên của gia đình bà C là ổn định và đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

[3.2.2] Về chính sách bồi thường, hỗ trợ:

Tại quyết định số 1113/QĐ-CT ngày 27/7/2007 của Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình kè bảo vệ bờ sông Lô đoạn qua thị xã Q thể hiện mục tiêu đầu tư xây dựng là chống sạt lở bờ sông Lô khu vực thị xã Q, khắc phục ảnh hưởng bất lợi do vận hành hồ thủy điện Q, đảm bảo an toàn tính mạng, tài sản cho dân cư và các công trình ven sông; tăng cường khả năng thoát lũ, cải thiện môi trường sinh thái và chính trang đô thị Q; giảm thiệt hại khi có lũ lớn, hạn chế việc lấn chiếm hành lang thoát, tạo điều kiện thuận lợi cho các dự án phát triển kinh tế và bảo vệ an ninh quốc phòng của khu vực thị xã Q. Do vậy, dự án này được xác định là vì mục đích phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng.

Trên cơ sở kết quả kiểm tra, kiểm kê diện tích đất và tài sản trên đất thu hồi, kết quả xét bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã xác định bà Đinh Thị C không được bồi thường về đất nhưng được bồi thường 100% giá trị hoa màu trên đất và không có chính sách hỗ trợ; Ủy ban nhân dân thành phố Q đã ban hành Quyết định số 757/QĐ-UBND về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ cho bà Đinh Thị C số tiền 15.044.700 đồng. Tuy nhiên, sau đó Ủy ban nhân dân thành phố Q đã xem xét và ban hành bổ sung Quyết định số 315/QĐ-UBND ngày 13/10/2016 để hỗ trợ đối với diện tích đất 5.800m² cho gia đình bà C với số tiền 190.240.000 đồng (tương đương 80% giá bồi thường) là đúng quy định tại Quyết định số 05/2015/QĐ-UBND ngày 16/5/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang quy định về trình tự, thủ tục thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước

thu hồi đất.

Quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện và đại diện của người khởi kiện đã nhất trí với kết quả kiểm tra thống kê về vật kiến trúc và hoa màu trên đất, không khiếu nại, khiếu kiện về khoản bồi thường này. Việc Ủy ban nhân dân thành phố Q không xem xét bồi thường mà chỉ hỗ trợ về đất cho hộ bà C là có cơ sở như đã nhận định ở những phần trên, nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện người khởi kiện và Luật sư cung cấp một số giấy xác nhận của một số các nhân xác nhận về nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất của gia đình bà C là không đủ cơ sở để xác định chính xác về vị trí, diện tích mà gia đình bà đã sử dụng ổn định từ trước đến nay, nên không có cơ sở để chấp nhận nội dung kháng cáo của ông Hoàng Hữu T. Quan điểm về giải quyết vụ án của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa là có cơ sở và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Bà Đinh Thị C là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Không chấp nhận kháng cáo của ông Hoàng Hữu T, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2021/HC-ST ngày 07/6/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

[2] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Về án phí: Bà Đinh Thị C không phải nộp án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực ngay sau khi tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Cục THADS tỉnh Tuyên Quang;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, HCTP.

Hồ Sỹ Hưng

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Quang Minh

Nguyễn Văn Cường

Hồ Sỹ Hưng